

**DANH SÁCH HỌC SINH CHƯA HOÀN TẤT HỌC PHÍ
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2019-2020 ĐẾN NGÀY 10/06/2020**

	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Công nợ học phí	Công nợ thu khác	Tổng công nợ	GHI CHÚ
1	18000618	Trần Hoài	An	18T4-CNM1	6,150,000	140,000	6,290,000	
2	18001725	Lê Quỳnh	Anh	18T4-CNM1	6,150,000	140,000	6,290,000	
3	18000352	Phan Trung	Anh	18T4-CNM1	6,150,000	140,000	6,290,000	
4	18001195	Trần Bảo	Châu	18T4-CNM1	6,150,000	140,000	6,290,000	
5	18000876	Phạm Bùi Ngọc	Dung	18T4-CNM1	6,150,000	140,000	6,290,000	
6	18000645	Nguyễn Vũ Bảo	Hân	18T4-CNM1	6,150,000	140,000	6,290,000	
7	18001989	Trần Thị Thu	Hiếu	18T4-CNM1	6,150,000	140,000	6,290,000	
8	18001174	Nguyễn Mai	Khanh	18T4-CNM1	6,150,000	140,000	6,290,000	
9	18002247	Nguyễn Phạm Hòa	Khánh	18T4-CNM1	6,150,000	140,000	6,290,000	
10	18004499	Ngô Phạm Đăng	Khoa	18T4-CNM1	6,150,000	140,000	6,290,000	
11	18000622	Trần Uyên	Linh	18T4-CNM1	6,150,000	140,000	6,290,000	
12	18000590	Phạm Kim	Loan	18T4-CNM1	6,150,000	140,000	6,290,000	
13	18004871	Hoàng Thị Diệu	Ly	18T4-CNM1	6,150,000	140,000	6,290,000	
14	18000136	Nguyễn Thị Kim	Ngân	18T4-CNM1	6,150,000	140,000	6,290,000	
15	18000090	Lê Thị Bảo	Ngọc	18T4-CNM1	6,150,000	140,000	6,290,000	
16	18000986	Nguyễn Ngọc Thảo	Nguyên	18T4-CNM1	6,150,000	140,000	6,290,000	
17	18005178	Đỗ Yến	Nhi	18T4-CNM1	6,150,000	140,000	6,290,000	
18	18000346	Đặng Thị	Nờ	18T4-CNM1	6,150,000	140,000	6,290,000	
19	18000231	Nguyễn Đại	Phát	18T4-CNM1	6,150,000	140,000	6,290,000	
20	18004629	Nguyễn Tú	Phương	18T4-CNM1	6,150,000	140,000	6,290,000	
21	18000757	Trần Thị Phương	Thanh	18T4-CNM1	6,150,000	140,000	6,290,000	
22	18004228	Lê Ngọc Thùy	Trang	18T4-CNM1	6,150,000	140,000	6,290,000	
23	18002718	Ngô Hoài Diễm	Trinh	18T4-CNM1	6,150,000	140,000	6,290,000	
24	18003009	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên	18T4-CNM1	6,150,000	140,000	6,290,000	
25	18002495	Đinh Thế	Vinh	18T4-CNM1	6,150,000	140,000	6,290,000	
26	18000652	Bùi Thị Bé	Xinh	18T4-CNM1	6,150,000	140,000	6,290,000	